

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2021

V/v: Chị Phạm Minh P xin ly

hôn anh Vũ Trọng N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Láng

Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp về “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Minh P**, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; Ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Vũ Trọng N**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Người đại diện theo pháp luật của anh Vũ Trọng N: Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1949 (là mẹ đẻ anh N); nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Minh P trình bày:**

Chị và anh Vũ Trọng N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 9 năm 2002 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tháng 5 năm 2008, anh N bị chấn thương sọ não và tổn thương một số chức năng cơ thể do tai nạn giao thông. Sau khi anh N bị tai nạn, chị đã cố gắng để có thể vừa đi làm kiếm tiền, vừa chăm sóc chồng, nuôi dạy con nhưng do kinh tế khó khăn, nhà neo người, cuộc sống quá vất vả, sức lực chị có hạn, một mình chị không thể cáng đáng được nên sau khi chị sinh con thứ hai vào tháng 10 năm 2008 chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Sau thời gian điều trị, hiện anh N bị mù hai mắt, khả năng nhận thức hạn chế, không có khả năng lao động, mọi sinh hoạt hàng ngày đều phải có người hỗ trợ. Từ năm 2013 đến nay anh N được xác nhận là người khuyết tật và được hưởng trợ cấp hàng tháng. Hiện anh N đang ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Ng, việc chăm sóc, nuôi dưỡng anh N do bà Ng đảm nhiệm. Nay chị xác định anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, tình cảm không còn, cuộc sống không có tương lai, không còn hạnh phúc, chị xin ly hôn anh N.

Chị và anh Vũ Trọng N có hai con chung là Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2003 và Vũ Phương T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2008. Ly hôn, vì các con đang ở cùng chị, chị có công việc, có thu nhập ổn định, về phía anh N với tình trạng sức khỏe như hiện nay thì anh N không đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị.

Chị và anh Vũ Trọng N không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản.

Do chị còn phải nuôi hai con chung nên chị không có điều kiện kinh tế để cấp dưỡng cho anh N khi ly hôn. Chị không đề nghị Tòa án ra quyết định trưng

cầu giám định tâm thần đối với anh N, không yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố anh N mất năng lực hành vi dân sự. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 26 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ng (mẹ đẻ anh N), trình bày:***

Chị P, anh N đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002. Sau kết hôn, anh chị về sống cùng gia đình bà, cuộc sống giữa anh chị hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tháng 5 năm 2008, anh N bị tai nạn giao thông. Tháng 10 năm 2008, chị P sinh con thứ hai. Do không có người chăm sóc nên chị P đã đưa hai con về bên ngoại ở từ đó đến nay. Bà và gia đình đã động viên chị P đưa con quay về cùng chăm sóc anh N nhưng chị P không về. Sau thời gian điều trị, hiện anh N bị mù hai mắt, khả năng nhận thức bị hạn chế, lúc nhớ, lúc quên, không có khả năng lao động, mọi sinh hoạt hằng ngày của anh N đều phải có người hỗ trợ. Nay chị P xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án xem xét từ năm 2008 đến nay anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ, nếu cố tình níu kéo sẽ thiệt thòi cho chị P, nếu tiếp tục chung sống anh chị cũng không hạnh phúc, do vậy, về hôn nhân của anh chị, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị P, anh N có hai con chung là Vũ Thị Ngọc A, sinh năm 2003 và Vũ Phương T, sinh năm 2008, hiện đang ở cùng chị P. Nếu anh chị ly hôn, các cháu ở cùng mẹ cuộc sống sẽ tốt và đảm bảo hơn, về phía anh N không có điều kiện để nuôi con và cấp dưỡng cho con, do vậy, về vấn đề nuôi con chung của anh chị, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị P, anh N không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho vợ, chồng khi ly hôn, bà không có yêu cầu, đề nghị gì đối với chị P vì từ năm 2013 đến nay anh N được UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình cấp giấy xác nhận khuyết tật, được hưởng trợ cấp 720.000 đồng/01 tháng, tiền này bà lĩnh và phụ vào chi phí sinh hoạt cho anh N, còn việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng anh N hiện do bà đảm nhiệm nhưng theo bà đó là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ.

Để đảm bảo quyền lợi cho anh N, bà và gia đình đã thống nhất bà sẽ là người đại diện theo pháp luật cho anh N trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Với tình trạng sức khỏe của anh N hiện nay, bà đề nghị Tòa án không lấy lời khai của anh N, không ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với anh N, không ra quyết định tuyên bố anh N mất năng lực hành vi dân sự. Do bà tuổi đã cao, việc đi lại khó khăn, anh N sức khỏe yếu, không đi lại được nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và anh N.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 31 tháng 8 năm 2021, cháu Vũ Thị Ngọc A, trình bày:***

Bố đẻ cháu là Vũ Trọng N. Mẹ đẻ cháu là Phạm Minh P. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở với mẹ.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 31 tháng 8 năm 2021, cháu Vũ Phương T, trình bày:***

Bố đẻ cháu là Vũ Trọng N. Mẹ đẻ cháu là Phạm Minh P. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở với mẹ.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 31 tháng 8 năm 2021, ông Phạm Đức Quyết (bố đẻ chị P), trình bày:***

Năm 2002, chị P, anh N kết hôn. Năm 2008, anh N bị tai nạn giao thông. Cùng trong năm đó chị P sinh con thứ hai. Do bệnh tình anh N không thuyên giảm, kinh tế khó khăn, gia đình ông đã đón mẹ con chị P về nhà ông ở từ đó đến nay. Hiện anh N bị mù hai mắt, không còn khả năng lao động, việc nhận thức và giao tiếp bị hạn chế. Nay chị P xin ly hôn anh N, theo ông, khi anh N bị tai nạn, chị P đã làm hết trách nhiệm của người vợ, sau đó, chị P còn phải nuôi hai con nhỏ thay cả phần của anh N, cuộc sống cứ như vậy kéo dài sẽ không có tương lai, do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh N để chị P ổn định lại cuộc sống, tập trung lo cho con cái trưởng thành.

Chị P, anh N có hai con chung là Vũ Thị Ngọc A, sinh năm 2003 và Vũ Phương T, sinh năm 2008. Nếu anh chị ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao hai con cho chị P nuôi dưỡng vì anh N không đủ điều kiện để nuôi con.

Chị P, anh N không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình ông.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 06 tháng 9 năm 2021, đại diện UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị P, anh N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 9 năm 2002 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Năm 2008, anh N bị tai nạn giao thông, bị chấn thương sọ não, mù hai mắt, khả năng nhận thức và trí tuệ bị ảnh hưởng. Về phía chị P, từ cuối năm 2008 chị P đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay, không sinh sống tại địa phương. Hiện anh N ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Ng, anh N đang được hưởng chế độ bảo trợ xã hội dành cho đối tượng là người khuyết tật. Nay chị P xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị P, anh N có hai con chung là Vũ Thị Ngọc A, sinh năm 2003 và Vũ Phương T, sinh năm 2008. Nếu anh chị ly hôn, về nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị P, anh N không vay nợ tổ chức tín dụng nào tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Xử cho chị P được ly hôn anh N. Giao cho chị P nuôi dưỡng hai con chung là Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2003 và Vũ Phương T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2008. Chấp nhận việc chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con chung. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Minh P khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Trọng N, anh N hiện cư trú tại thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Căn cứ vào lời khai của chị Phạm Minh P, lời khai của bố mẹ đẻ của anh N là ông Vũ Ngọc L, bà Nguyễn Thị Ng và theo cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi anh N cư trú, xác nhận hiện anh N bị mù hai mắt, khả năng nhận thức hạn chế, đang được hưởng chế độ bảo trợ xã hội dành cho đối tượng là người khuyết tật. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho anh N, theo đề nghị của các bên đương sự, Tòa án đã đưa bà Ng là mẹ đẻ anh N vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho anh N trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

[1.3] Theo đề nghị của chị Phạm Minh P, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Trong các ngày 06 tháng 9 năm 2021, ngày 20 tháng 9 năm 2021, bà Nguyễn Thị Ng, chị Phạm Minh P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị P, vắng mặt bà Ng và anh N.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Minh P và anh Vũ Trọng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 02/2002, ngày 25 tháng 9 năm 2002, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, cuộc sống chung giữa anh chị về cơ bản là hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tháng 5 năm 2008, anh N bị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông. Tháng 10 năm 2008, chị P sinh con thứ hai. Do tình trạng bệnh của anh N không thuyên giảm, nhà neo người, kinh tế khó khăn, chị P đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Về phía anh N, sau thời gian điều trị, hiện anh N bị mù hai mắt, khả năng nhận thức bị hạn chế, là người khuyết tật, đang hưởng trợ cấp hàng tháng, hiện anh N không có khả năng lao động, mọi sinh hoạt cá nhân đều phải có người hỗ trợ. Chị P xác định tình cảm

vợ chồng không còn, hôn nhân giữa anh chị không có tương lai, không còn hạnh phúc, chị xin ly hôn anh N. Bà Ng là mẹ đẻ và là người đại diện cho anh N cũng xác nhận chị P, anh N đã chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2008, nếu cố tình níu kéo sẽ thiệt thòi cho chị P, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P, anh N là có, anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2008 đến nay, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh N.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Phạm Minh P và anh Vũ Trọng N có hai con chung là Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2003 và Vũ Phương T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2008. Xét thấy, các con chung của anh chị đều là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, về phía chị P có công việc, có thu nhập ổn định, về phía anh N không có khả năng lao động, không đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, việc học tập và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung, chị P không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Phạm Minh P, bà Nguyễn Thị Ng đều trình bày chị P, anh N không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, các bên không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Với tình trạng sức khỏe của anh N như hiện nay, anh N cần phải có người chăm sóc, phục vụ và phải chi phí cấp dưỡng. Tuy nhiên, về vấn đề này, bà Ng là mẹ đẻ, là người đại diện cho anh N và là người hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng anh N không có yêu cầu, đề nghị gì, về phía chị P còn phải nuôi hai con chung nên không có điều kiện kinh tế để cấp dưỡng cho anh N, do vậy, bà Ng, chị P đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy, đề nghị trên của các bên là tự nguyện, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Phạm Minh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Minh P, anh Vũ Trọng N có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Minh P và anh Vũ Trọng N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Phạm Minh P trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2003 và Vũ Phương T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2008. Chị Phạm Minh P không yêu cầu anh Vũ Trọng N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị.

2.2. Anh Vũ Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi các con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho các con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0000904 đề ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Minh P và anh Vũ Trọng N có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 68, quyển số 02/2002, ngày 25 tháng 9 năm 2002);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

